

Số: 4082/QĐ-UBND

Định Quán, ngày 11 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

V/v điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ của dự án Hồ chứa nước Cà Ròn (Đợt 3) tại xã Gia Canh, huyện Định Quán được phê duyệt tại Quyết định số 3124/QĐ-UBND ngày 30/12/2019

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Định Quán tại Tờ trình số 1113 /TTr-PTNMT ngày 04/11/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kinh phí bồi thường, hỗ trợ của dự án Hồ chứa nước Cà Ròn tại Khoản 3 Điều 1 của Quyết định số 3124/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND huyện Định Quán, như sau:

Tổng giá trị phương án bồi thường, hỗ trợ sau khi điều chỉnh là: 15.076.957.000 đồng (Bằng chữ: Mười lăm tỷ, không trăm bảy mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi bảy ngàn đồng).

Cụ thể:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ đất:	0 đồng
- Giá trị bồi thường Nhà - Vật kiến trúc:	3.236.087.000 đồng
- Giá trị bồi thường cây cối:	8.747.827.000 đồng
- Chính sách hỗ trợ:	2.488.416.000 đồng
- Thưởng di dời:	309.000.000 đồng

- Kinh phí tổ chức thực hiện công tác bồi thường (2,0%):	295.627.000 đồng
+ Kinh phí của Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Định Quán (1,6%):	236.501.000 đồng
+ Kinh phí thẩm định phương án bồi thường (0,4%):	59.125.000 đồng
Gồm: Kinh phí Sở Tài nguyên và Môi trường:	14.781.000 đồng
Kinh phí Phòng Tài nguyên và Môi trường:	44.344.000 đồng

(Kèm theo bảng tổng hợp chi tiết)

Điều 2. Các nội dung khác của Quyết định số 3124/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của UBND huyện Định Quán vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất huyện Định Quán, Giám đốc Ban Quản lý dự án huyện Định Quán, Chủ tịch UBND xã Gia Canh, Tổ chức, hộ gia đình cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *N. Cao*

Nơi nhận:

- Như điều 4 (để thực hiện);
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chánh Văn phòng UBND huyện;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



am
Ngô Tấn Tài

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ VỀ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ

DỰ ÁN HỒ CHỨA NƯỚC CÀ RÒN (Đợt 3)

Địa điểm: xã Gia Canh, huyện Định Quán

(Kèm theo Quyết định số 4082 /QĐ-UBND ngày 11 /11 /2020 của UBND huyện Định Quán)

STT	Họ và Tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)					Diện tích đất không bồi thường, hỗ trợ (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà - vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây cối - hoa màu	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Giá trị về các chính sách hỗ trợ tái định cư	Nghĩa vụ tài chính	Thưởng di dời	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và thưởng các hộ dân được nhận	Ghi chú
					Nông nghiệp		Phi nông nghiệp		Đất chưa sử dụng										
					Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I. ĐỐI TƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 3124/QĐ-UBND NGÀY 30/12/2019 CỦA UBND HUYỆN ĐỊNH QUÁN:																			
1	Nguyễn Thị Thắng	Ấp 6, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	10 991,0	10 991,0	0,0	0,0	0,0	0,0	10 991,0	0	90 852 000	191 194 000	16 380 000	0	0	0	298.426.000	
3	Nguyễn Quang Báo	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	10 755,0	10 755,0	0,0	0,0	0,0	0,0	10 755,0	0	15 457 000	189 724 000	175 365 000	0	0	0	380.546.000	
4	Lê Thị Kẹo	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	19 415,3	19 415,3	0,0	0,0	0,0	0,0	19 415,3	0	228 215 000	452 404 000	417 890 000	0	0	12 000 000	1.110.509.000	
5	Nguyễn Thị Thủy	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	11 123,0	11 123,0	0,0	0,0	0,0	0,0	11 123,0	0	227 881 000	209 773 000	221 944 000	0	0	12 000 000	671.598.000	
6	Nguyễn Văn Thắng và Lê Thị Thơm	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	2 026,7	2 026,7	0,0	0,0	0,0	0,0	2 026,7	0	0	24 399 000	20 267 000	0	0	4 000 000	48.666.000	
8	Phan Văn Pháp	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	12 805,1	12 805,1	0,0	0,0	0,0	0,0	12 805,1	0	95 977 000	283 079 000	142 091 000	0	0	12 000 000	533.147.000	
10	Nguyễn Quang Bằng	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	8 622,6	8 622,6	0,0	0,0	0,0	0,0	8 622,6	0	65 935 000	142 501 000	125 266 000	0	0	12 000 000	345.702.000	
12	Phan Viết Hiền	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	9 512,9	9 512,9	0,0	0,0	0,0	0,0	9 512,9	0	23 649 000	155 472 000	11 700 000	0	0	8 000 000	198.821.000	
13	Trương Quang Phú	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	20 163,9	20 163,9	0,0	0,0	0,0	0,0	20 163,9	0	12 721 000	285 118 000	211 450 000	0	0	12 000 000	521.289.000	
15	Vũ Mạnh Khánh	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	38 504,5	38 504,5	0,0	0,0	0,0	0,0	38 504,5	0	33 677 000	752 026 000	413 125 000	0	0	12 000 000	1.210.828.000	
18	Phạm Thị Ngừ	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	13 695,8	13 695,8	0,0	0,0	0,0	0,0	13 695,8	0	25 830 000	308 421 000	23 400 000	0	0	12 000 000	369.651.000	
19	Trần Ngọc Hiệp	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	5 971,5	5 971,5	0,0	0,0	0,0	0,0	5 971,5	0	0	124 193 000	23 400 000	0	0	8 000 000	155.593.000	
21	Vô Thanh Xuân	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	21 316,9	21 316,9	0,0	0,0	0,0	0,0	21 316,9	0	412 048 000	577 023 000	77 160 000	0	0	12 000 000	1.078.231.000	
23	Nguyễn Văn Sỹ và Nguyễn Thị Thuật	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	13 676,9	13 676,9	0,0	0,0	0,0	0,0	13 676,9	0	0	270 245 000	242 218 000	0	0	0	512.463.000	
26	Lê Thị Bích Thủy	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	15 958,4	15 958,4	0,0	0,0	0,0	0,0	15 958,4	0	78 151 000	303 048 000	49 080 000	0	0	12 000 000	442.279.000	
32	Lê Văn Lúy	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	25 007,0	25 007,0	0,0	0,0	0,0	0,0	25 007,0	0	195 551 000	525 007 000	39 720 000	0	0	12 000 000	772.278.000	

STT	Họ và Tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)					Diện tích đất không bồi thường, hỗ trợ (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà - vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây cối - hoa màu	Giá trị về các chính sách hộ trợ	Giá trị về các chính sách hộ trợ tái định cư	Nghĩa vụ tài chính	Thưởng đi đời	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và thưởng các hộ dân được nhận	Ghi chú
					Nông nghiệp		Phi nông nghiệp		Đất chưa sử dụng										
					Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở											
34	Nguyễn Văn Lực	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	11 770,40	11 770,4	0,0	0,0	0,0	0,0	11 770,4	0	58 384 000	197 489 000	18 720 000	0	0	10 000 000	284.593.000	
35	Võ Văn Hạnh và Nguyễn Thị Hồng Phượng	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	5 433,80	5 433,8	0,0	0,0	0,0	0,0	5 433,8	0	129 415 000	113 302 000	58 440 000	0	0	12 000 000	313.157.000	
36	Nguyễn Lê Hồng Tấn	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	2 692,00	2 692,0	0,0	0,0	0,0	0,0	2 692,0	0	125 117 000	63 712 000	117 540 000	0	0	12 000 000	318.369.000	
38	Hoàng Văn Hải	Ấp 6, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	3 121,50	3 121,5	0,0	0,0	0,0	0,0	3 121,5	0	0	32 877 000	0	0	0	4 000 000	36.877.000	

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ SAU KHI ĐIỀU CHỈNH:

1	Nguyễn Thị Thắng	Ấp 6, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	10 991,0	10 991,0	0,0	0,0	0,0	0,0	10 991,0	0	90 852 000	155 430 000	16 380 000	0	0	0	262.662.000	
3	Nguyễn Quang Bảo	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	10 755,0	10 755,0	0,0	0,0	0,0	0,0	10 755,0	0	15 457 000	189 724 000	161 325 000	0	0	0	366.506.000	
4	Lê Thị Kẹo	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	19 415,3	19 415,3	0,0	0,0	0,0	0,0	19 415,3	0	228 338 000	346 298 000	301 550 000	0	0	2 000 000	878.186.000	
5	Nguyễn Thị Thủy	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	11 123,0	11 123,0	0,0	0,0	0,0	0,0	11 123,0	0	227 837 000	209 773 000	221 944 000	0	0	0	659.554.000	
6	Nguyễn Văn Thắng và Lê Thị Thơm	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	2 026,7	2 026,7	0,0	0,0	0,0	0,0	2 026,7	0	0	24 399 000	20 267 000	0	0	0	44.666.000	
8	Phan Văn Pháp	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	12 805,1	12 805,1	0,0	0,0	0,0	0,0	12 805,1	0	95 977 000	227 200 000	142 091 000	0	0	12 000 000	477.268.000	
10	Nguyễn Quang Bằng	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	8 622,6	8 622,6	0,0	0,0	0,0	0,0	8 622,6	0	65 935 000	132 290 000	125 266 000	0	0	12 000 000	335.491.000	
12	Phan Viết Hiền	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	9 512,9	9 512,9	0,0	0,0	0,0	0,0	9 512,9	0	23 649 000	143 468 000	11 700 000	0	0	8 000 000	186.817.000	
13	Trương Quang Phú	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	20 163,9	20 163,9	0,0	0,0	0,0	0,0	20 163,9	0	12 703 000	266 743 000	60 221 000	0	0	12 000 000	351.667.000	
15	Vũ Mạnh Khánh	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	38 504,5	38 504,5	0,0	0,0	0,0	0,0	38 504,5	0	33 677 000	752 026 000	177 210 000	0	0	12 000 000	974.913.000	
18	Phạm Thị Ngừ	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	13 695,8	13 695,8	0,0	0,0	0,0	0,0	13 695,8	0	25 830 000	270 617 000	23 400 000	0	0	12 000 000	331.847.000	
19	Trần Ngọc Hiệp	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	5 971,5	5 971,5	0,0	0,0	0,0	0,0	5 971,5	0	0	94 470 000	23 400 000	0	0	8 000 000	125.870.000	
21	Vũ Thanh Xuân	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	21 316,9	21 316,9	0,0	0,0	0,0	0,0	21 316,9	0	412 048 000	563 148 000	77 160 000	0	0	12 000 000	1.064.356.000	
23	Nguyễn Văn Sỹ và Nguyễn Thị Thuật	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	13 676,9	13 676,9	0,0	0,0	0,0	0,0	13 676,9	0	0	260 285 000	242 218 000	0	0	0	502.503.000	
26	Lê Thị Bích Thủy	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	15 958,4	15 958,4	0,0	0,0	0,0	0,0	15 958,4	0	78 151 000	286 011 000	49 080 000	0	0	12 000 000	425.242.000	
32	Lê Văn Luy	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	25 007,0	25 007,0	0,0	0,0	0,0	0,0	25 007,0	0	195 377 000	501 270 000	39 720 000	0	0	12 000 000	748.367.000	
34	Nguyễn Văn Lực	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	11 770,40	11 770,4	0,0	0,0	0,0	0,0	11 770,4	0	60 069 000	192 981 000	18 720 000	0	0	10 000 000	281.770.000	

STT	Họ và Tên	Địa chỉ thường trú	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Diện tích đất thu hồi để thực hiện dự án (m ²)	Diện tích đất bồi thường (m ²)					Diện tích đất không bồi thường, hỗ trợ (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về đất	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về nhà - vật kiến trúc	Giá trị bồi thường, hỗ trợ về cây cối - hoa màu	Giá trị về các chính sách hỗ trợ	Giá trị về các chính sách hỗ trợ tái định cư	Nghĩa vụ tài chính	Thưởng di dời	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ và thưởng các hộ dân được nhận	Ghi chú
					Nông nghiệp		Phi nông nghiệp		Đất chưa sử dụng										
					Tổng	Trong đó đất trồng lúa	Tổng	Trong đó đất ở											
35	Võ Văn Hạnh và Nguyễn Thị Hồng Phượng	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	5 433,80	5 433,8	0,0	0,0	0,0	0,0	5 433,8	0	129 122 000	113 349 000	58 440 000	0	0	12 000 000	312.911.000	
36	Nguyễn Lê Hồng Tấn	Ấp 8, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	2 692,00	2 692,0	0,0	0,0	0,0	0,0	2 692,0	0	125 102 000	63 712 000	117 540 000	0	0	0	306.354.000	
38	Hoàng Văn Hải	Ấp 6, xã Gia Canh	Ấp 8, xã Gia Canh	3 121,50	3 121,5	0,0	0,0	0,0	0,0	3 121,5	0	0	27 054 000	0	0	0	4 000 000	31.054.000	

III. PHƯƠNG ÁN BÔI THƯỜNG, HỖ TRỢ TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 3124/QĐ-UBND NGÀY 30/12/2019 CỦA UBND HUYỆN ĐỊNH QUÁN:

TỔNG CỘNG	496 609,0	496 609,0	0,0	0,0	0,0	0,0	496 609,0	0,0	3 234 823 000	9 128 586 000	3 005 940 000	0	0	347 000 000	15 716 349 000	
-----------	-----------	-----------	-----	-----	-----	-----	-----------	-----	---------------	---------------	---------------	---	---	-------------	----------------	--

IV. PHƯƠNG ÁN BÔI THƯỜNG, HỖ TRỢ TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 3124/QĐ-UBND NGÀY 30/12/2019 CỦA UBND HUYỆN ĐỊNH QUÁN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH:

TỔNG CỘNG	496 609,0	496 609,0	0,0	0,0	0,0	0,0	496 609,0	0,0	3 236 087 000	8 747 827 000	2 488 416 000	0	0	309 000 000	14 781 330 000	
-----------	-----------	-----------	-----	-----	-----	-----	-----------	-----	---------------	---------------	---------------	---	---	-------------	----------------	--

1. Tổng:	14.781.330.000														
2. Kinh phí thực hiện công tác bồi thường (2,0%) gồm:	295.627.000														
Trong đó: - Kinh phí Trung tâm phát triển quỹ đất (1,6%):	236.501.000														
- Kinh phí thẩm định (0,4%):	59.125.000														
Gồm - Kinh phí Sở Tài nguyên và Môi trường:	14.781.000														
- Kinh phí Phòng Tài nguyên và Môi trường:	44.344.000														
Tổng cộng (1+2):	15.076.957.000														

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Tấn Tài